

QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CỦA HỢP TÁC KINH TẾ VIỆT NAM - LB NGA TỪ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC LÊN ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC TOÀN DIỆN

Vũ Thị Hồng Chuyên

Email: chuyenvth@dhhp.edu.vn

Khoa Du lịch

Ngày nhận bài: 11/6/2019

Ngày PB đánh giá: 03/7/2019

Ngày duyệt đăng: 12/7/2019

TÓM TẮT

Năm 2019 - năm Việt Nam và Liên bang Nga (LB Nga) kỷ niệm 25 hai nước ký Hiệp ước “*Những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị giữa Cộng hòa chủ nghĩa xã hội Việt Nam và LB Nga*” và cũng là năm hai bên tổ chức các hoạt động Năm Việt Nam tại Nga và Năm Nga tại Việt Nam. Nhìn lại lịch sử gần 70 năm quan hệ (30/01/1950 - 30/01/2019), quan hệ hai nước đã trải qua khá nhiều thăng trầm. Trong đó, sự chuyển biến của tính chất quan hệ hai nước những thập niên đầu thế kỷ XXI từ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện thực sự là một mảng sáng đáng ghi nhớ. Cùng với sự chuyển biến của quan hệ chính trị, hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga đã có sự vận động và phát triển, đáp ứng lợi ích cho cả hai bên. Bài viết tập trung làm rõ quá trình vận động của hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga từ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện, đồng thời chỉ ra nguyên nhân của sự vận động, phát triển đó và cả những mặt còn tồn tại.

Từ khóa: hợp tác kinh tế Việt Nam, LB Nga, đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam, LB Nga.

MOBILIZATION PROCESS OF VIETNAMESE – RUSSIAN ECONOMIC COOPERATION FROM STRATEGIC PARTNERS TO COMPREHENSIVE STRATEGIC PARTNERS

ABSTRACT

In 2019, Vietnam and Russia celebrated the 25th anniversary of the two countries' signing of the Treaty “*The basic principles of friendly relations between the Socialist Republic of Vietnam and the Russian Federation*” and also the year the two sides organized the annual activities of Vietnam in Russia and vice versa. Looking back at the history of nearly 70 years of relationship (January 30, 1950 - January 30, 2019), we can see that the relations between the two countries have gone through many ups and downs. In particular, the change in the nature of relations between the two countries in the first decade of the 21st century from strategic partners to comprehensive strategic partners is really a memorable milestone. In that sense, economic cooperation is a field that the two sides pay much attention to and is a top priority in the Vietnamese - Russian relations. Along with the transformation of political relations, the Vietnamese - Russian economic cooperation has mobilized and developed. The paper focuses on clarifying the process of mobilization of Vietnamese - Russian economic cooperation from strategic partners to comprehensive strategic partners, while pointing out the causes of such mobilization and development and some difficult aspects of this process.

Keywords: Vietnamese - Russian economic cooperation, strategic partners, comprehensive strategic partners, comprehensive strategic partnership between Vietnam and Russia.

1. MỞ ĐẦU

Bước sang thế kỷ XXI, những chuyển biến nhanh chóng của tình hình thế giới và khu vực đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ song phương Việt Nam - LB Nga, đặc biệt là xu thế toàn cầu hóa, liên kết khu vực, cuộc chạy đua vũ trang và hợp tác. Công cuộc đổi mới đất nước của Việt Nam (1986), công cuộc cải cách kinh tế xã hội của Nga do Tổng thống V. Putin khởi xướng những năm đầu thế kỷ mới, cùng với sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của mỗi nước đã tạo nền tảng vững chắc cho những chuyển đổi quan trọng của quan hệ hai nước trước thềm thiên niên kỷ mới. Quan hệ hai nước trước năm 1991 dựa trên cơ sở của quan hệ đồng minh chiến lược cùng hệ tư tưởng Xã hội chủ nghĩa (XHCN). Từ sau khi LB Xô viết sụp đổ (1991), quan hệ hai nước rơi vào trạng thái ngưng trệ. Năm 1994, với Hiệp ước *Những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Liên bang Nga* được ký kết, hai nước từng bước khôi phục mối quan hệ nhưng vẫn chưa đạt được kết quả như thời kỳ trước. Trong bối cảnh đó, việc phát triển quan hệ lên tầm cao mới sẽ có ý nghĩa thiết thực, mang lại lợi thế cho cả hai bên trong việc xác định vị thế ở khu vực và thế giới, nhất là đối với Nga đang trên con đường khôi phục lại vị thế của cường quốc thế giới. Đối với Nga, Việt Nam không phải là ưu tiên số 1 trong chính sách Châu Á - Thái Bình Dương của Nga, nhưng Việt Nam có vị trí địa chính trị quan trọng ở Đông Nam Á. Để có vị thế xứng đáng trên thế giới trong tương lai, Nga cần phải có những đối tác chiến lược tin cậy ở các khu vực trọng điểm. Về phía Việt Nam, phát triển quan hệ với Nga có ý nghĩa không

nhỏ không chỉ bởi những lợi ích cụ thể về kinh tế, quốc phòng, khoa học kỹ thuật - công nghệ... phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà còn là những lợi ích chiến lược, lâu dài trong việc “cân bằng” quan hệ với các nước lớn, tăng cường vị thế của Việt Nam trong khu vực và thế giới. Đây là cơ sở quan trọng để hai nước ra Tuyên bố chung xác lập và phát triển quan hệ lên tầm đối tác chiến lược (2001) tiếp tục nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2012.

Quan hệ đối tác chiến lược được hiểu là mối quan hệ hợp tác có tính lâu dài, hướng vào mục tiêu cụ thể vì lợi ích quốc gia dân tộc (an ninh, thịnh vượng và vị thế trên trường quốc tế), trong một số lĩnh vực cơ bản. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện là cấp độ cao hơn của đối tác chiến lược, trong đó, hai hay nhiều bên xác định gắn bó lợi ích lâu dài, hỗ trợ lẫn nhau và thúc đẩy sự hợp tác sâu rộng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, cùng có lợi. Đặc trưng nổi bật nhất của quan hệ đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện là hợp tác mang đến lợi ích cho cả hai bên. Do đó, ưu tiên hàng đầu trong các lĩnh vực hợp tác của quan hệ Việt Nam - LB Nga thời kỳ này là hợp tác kinh tế. Với ý nghĩa thực tiễn đó, hai bên đã không ngừng nỗ lực trong việc thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư sang nhau. Sự phát triển của quan hệ hai nước từ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện đã tạo cơ sở pháp lý, xung lực cho sự phát triển quan hệ trên các lĩnh vực hợp tác, đồng thời đòi hỏi các lĩnh vực hợp tác nhất là về kinh tế phải có sự vận động để tương xứng với sự phát triển của quan hệ chính trị.

2. NỘI DUNG

2.1. Hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga giai đoạn đối tác chiến lược (2001 - 2012)

Ngày 02/03/2001, hai nước ra Tuyên bố chung xác lập quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - LB Nga. Nội dung của Tuyên bố chung gồm 17 điều đã đề cập đến nhiều lĩnh vực từ hợp tác song phương trên tất cả các mặt (chính trị - kinh tế, quốc phòng, văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ) đến việc phối hợp trong các vấn đề an ninh và hợp tác quan trọng ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á cũng như quốc tế. Trong đó, từ Điều 4 đến Điều 9 của Tuyên bố nhấn mạnh: “*coi việc phát triển quan hệ kinh tế thương mại, khoa học kỹ thuật và đầu tư... là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong việc thúc đẩy quan hệ Việt - Nga*” (Điều 4); trong đó “*để mở rộng quan hệ thương mại, hai nước cần tìm ra các biện pháp đa dạng để đẩy mạnh trao đổi hàng hóa, tăng*

kim ngạch buôn bán lên mức độ mới phù hợp với tiềm năng vốn có; cần tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp, thúc đẩy sự hợp tác kinh tế... giữa các tỉnh hai nước” (Điều 7) [1;7]. Cùng với Tuyên bố chung, nhiều hiệp định hợp tác kinh tế giữa hai bên đã được ký kết tạo cơ sở pháp lý vững chắc và xung lực cho sự phát triển của lĩnh vực hợp tác này có những chuyển động ngay những năm đầu của thế kỷ XXI.

Về thương mại

Hoạt động thương mại xuất - nhập khẩu giữa hai nước những năm đầu thế kỷ XXI có những bước phát triển rõ rệt. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa hai chiều có xu hướng tăng. Tuy nhiên mức độ tăng không đồng đều, cá biệt năm 2003 kim ngạch xuất nhập khẩu hai bên lại giảm so với năm 2002, năm 2006 giảm xuống dưới 1 tỷ USD (trong khi năm 2005 đã đạt 1.079.830 USD).

Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và LB Nga giai đoạn 2000 - 2011

(Đơn vị: Triệu USD)

Năm	Kim ngạch XNK	Tăng so với năm trước	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
			Kim ngạch	Tỷ lệ (%)	Kim ngạch	Tỷ lệ (%)
2000	363.117	2,7	122.548	33,7	240.569	66,3
2001	571.287	57,3	194.488	34,0	376.799	66,0
2002	678.620	18,8	187.017	27,6	491.603	72,4
2003	651.302	-4,0	159.481	24,5	491.821	75,5
2004	887.288	36,2	216.099	24,4	671.189	75,6
2005	1.079.830	21,7	251.820	23,3	828.010	76,7
2006	869.970	-19,4	413.210	47,5	456.760	52,5
2007	1.010.570	16,2	458.450	45,4	552.120	54,6
2008	1.641.520	62,4	671.950	40,9	969.570	59,1
2009	1.829.620	11,5	414.890	22,7	1.414.730	77,3
2010	1.828.770	0,0	829.700	45,4	999.070	54,6
2011	1.981.000	8,3	1.287.000	65,0	694.000	35,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam [12]; [13]

Thực tế, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam - LB Nga tăng lên là do kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tăng. Trong cán cân thương mại hai nước giai đoạn này, Việt Nam là nước nhập siêu. Kể từ năm 2011, Việt Nam mới bắt đầu xuất siêu sang Nga với gần 0,6 tỷ USD. Mặc dù kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa hai nước có xu hướng tăng dần, song tỷ trọng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa hai nước trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của mỗi quốc gia chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, khoảng 0,3% tổng kim ngạch của Nga và khoảng 1,5% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam [2;62].

Về cơ cấu mặt hàng, hai nước xuất khẩu sang nhau là những mặt hàng thế mạnh của mỗi bên. Các mặt hàng Việt Nam xuất sang Nga chủ yếu là nhóm hàng nông - thủy sản và công nghiệp nhẹ, trong đó lớn nhất là nhóm hàng nông sản (gạo, cà phê, cao su, hạt điều, hạt tiêu...) và thủy sản (chiếm tới 60% hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nga). Trong nhóm hàng nông sản, gạo là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam sang Nga và Nga là nước nhập khẩu gạo đứng thứ 9 trong số những nước nhập khẩu gạo của Việt Nam. Các sản phẩm ngũ cốc, tinh bột có tổng kim ngạch xuất khẩu gần 15 triệu USD, chiếm 12% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nga [7;179]. Sản phẩm dệt may, cao su, đồ gỗ, giày dép, cà phê... cũng là những mặt hàng chiếm số lượng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu Việt Nam - LB Nga. Ngoài nhóm hàng truyền thống được người Nga quen dùng, Việt Nam còn xuất sang Nga nhiều mặt hàng mới như đường tinh luyện, xe đạp và phụ tùng xe đạp,

đồ chơi trẻ em, dầu mỡ động - thực vật, túi xách, ví, balô, ô dù, sản phẩm gốm sứ... Đặc điểm chung của nhóm hàng Việt Nam xuất khẩu sang Nga chủ yếu là nhóm hàng có hàm lượng chế biến không cao và giá trị gia tăng thấp, nhóm mặt hàng có hàm lượng công nghệ và chất xám cao như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm tỉ trọng nhỏ trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nga.

Về phía Nga, nước này xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là mặt hàng phiêu thép, xăng dầu các loại, sắt thép, phân bón, ô tô, phụ tùng, nguyên vật liệu... Đây là những mặt hàng Việt Nam có nhu cầu thiết yếu lớn nhưng chưa có khả năng sản xuất hoặc là những mặt hàng đã quen dùng ở thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, từ năm 2006, tỷ lệ nhập siêu hàng hóa của Việt Nam từ Nga có xu hướng giảm. Nguyên nhân là do các mặt hàng như ô tô, xe máy... bên cạnh nhập khẩu từ Nga, Việt Nam còn nhập khẩu mặt hàng này từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Song nhìn chung hàng hóa nhập khẩu từ Nga đa phần vẫn đáp ứng yêu cầu của sản xuất và tiêu dùng trong nước vì có chất lượng tốt, giá cả hợp lý và đã được quen dùng. Do vậy, các mặt hàng như sắt thép, máy móc thiết bị và phụ tùng, phân bón... từ Nga vẫn được Việt Nam nhập khẩu tăng đều qua các năm. Theo Thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, tính đến năm 2011, Nga là đối tác thương mại lớn thứ 22 của Việt Nam (đứng thứ 22 về cả xuất khẩu và nhập khẩu) và chiều ngược lại, Nga là nguồn hàng nhập khẩu lớn thứ 13 của các doanh nghiệp Việt Nam (số liệu chín tháng đầu năm 2010). Đối với Nga, Việt Nam vẫn là một đối tác thương mại rất nhỏ bé của LB Nga, với tỷ trọng kim ngạch xuất nhập

khẩu hàng hóa giữa hai nước trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Nga chỉ là 0,2% (trung bình từ năm 2000 đến 2005) đạt mức cao nhất là 0,3% năm 2004 và thấp nhất là 0,026% năm 2000 [11;117].

Về đầu tư

Đến năm 2010, Nga có 65 dự án đầu tư ở Việt Nam (không kể liên doanh Vietsovpetro) đang hoạt động với tổng số vốn đăng ký là 757,4 triệu USD (vốn đầu tư thực tế là 568,2 triệu USD) [6;95]. So với số lượng 40 dự án đầu tư của Nga còn hiệu lực ở Việt Nam trong giai đoạn 1988 - 2002 [10;36] cho thấy đầu tư của Nga vào Việt Nam có xu hướng tăng lên. Ở chiều ngược lại, đầu tư của Việt Nam sang Nga cũng tăng nhanh từ chỗ chỉ đạt hơn 100 triệu USD, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực chế biến thực phẩm, may mặc, giày dép và xuất khẩu gỗ thì năm 2010 đã có 15 dự án Việt Nam đầu tư sang Nga với tổng số vốn đầu tư là 1,6 tỷ USD. Đến năm 2011, số dự án đầu tư sang Nga đã tăng lên 18 dự án với tổng số vốn đầu tư là 1,7 tỷ USD, trong đó đứng thứ nhất là lĩnh vực dầu khí, tiếp đến là các lĩnh vực ngân hàng, thương mại, dịch vụ...

Ưu tiên chính trong đầu tư của Nga vào Việt Nam tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực dầu khí, cơ khí chế tạo, thông tin liên lạc, xây dựng, luyện kim... trong đó dầu khí là lĩnh vực đầu tư mạnh nhất và hiệu quả nhất của LB Nga vào Việt Nam mà công ty liên doanh Vietsovpetro là “dự án thành công nhất mỗi năm đóng góp vào ngân sách nhà nước của Nga lên đến hơn 500 triệu đô la Mỹ [19]. Ngoài Liên doanh dầu khí Vietsovpetro, còn có công ty liên doanh Gazpromviet (liên doanh giữa PVN và Gazprom) đang triển khai hoạt động khai thác tại khu mỏ Yamal và

phía Đông Siberia (Nga), cùng các dự án đầu tư hiệu quả trên các lĩnh vực năng lượng điện, khoáng sản, cơ khí chế tạo, năng lượng hạt nhân.

Cùng với sự chuyển động của quan hệ chính trị từ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện, hợp tác kinh tế đã có những chuyển biến. Tuy nhiên, kết quả hợp tác vẫn chưa được như mong đợi ở cả hai phía. Những nỗ lực thúc đẩy từ sau cuộc gặp gỡ giữa lãnh đạo cấp cao hai nước (2012) đã tạo điều kiện cho bước phát triển mới trong quan hệ từ đối tác chiến lược trở thành đối tác chiến lược toàn diện, tạo cú hích cho bước phát triển mới trong hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI.

2.2. Hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga từ khi thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện (2012) đến nay

Năm 2012, hai nước ra Tuyên bố chung xác lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Việc nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện với mục đích làm sâu sắc hơn các lĩnh vực hợp tác vốn có giữa hai bên nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Trong giai đoạn này, hai bên xác định thương mại, đầu tư, dầu khí và năng lượng điện là những trụ cột quan trọng trong hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga. Đây là cơ sở để hai bên nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động thương mại và các dự án đầu tư sang nhau.

** Về thương mại*

Kể từ năm 2011, khi Việt Nam bắt đầu xuất siêu sang Nga, hoạt động xuất nhập khẩu hai nước sang nhau có bước tiến đáng kể. Năm 2012, kim ngạch thương mại hàng hóa hai chiều giữa Việt Nam và Nga đạt được sự tăng trưởng

cao nhất với 2,45 tỷ USD (tính chung trong cả giai đoạn 2010 - 2015 đạt bình quân là 2,29 tỷ USD/năm). Năm 2013, thương mại hàng hóa giữa hai nước vẫn đạt được sự tăng trưởng dương nhưng tốc độ tăng trưởng thấp hơn năm 2012 (chỉ tăng 12,6%) với kim ngạch đạt 2,76 tỷ USD. Tuy nhiên, trong hai năm 2014 - 2015, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Nga bị suy giảm, không đạt được tốc độ tăng trưởng dương. Cụ thể, năm 2014, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước chỉ đạt 2,55 tỷ USD, giảm 7,6% so với một năm trước đó và tiếp tục giảm sâu, giảm 14,2% so với năm 2014 và chỉ đạt 2,18 tỷ USD trong năm 2015 [15; 452]. Nguyên nhân của việc suy giảm này là do sự sụt giảm của giá dầu thế giới dẫn đến đồng Rúp mất giá và sự suy thoái của nền kinh tế Nga do khủng

hoảng tại Ukraine và “lệnh trừng phạt” của Mỹ, EU và một số quốc gia khác đối với Nga¹. Các mặt hàng chủ lực xuất nhập khẩu như nhóm hàng xăng dầu các loại, sắt thép các loại, máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng của Nga sang Việt Nam và các mặt hàng Việt Nam sang Nga như máy vi tính, sản phẩm điện tử, điện thoại và linh kiện; hàng dệt may; giày dép các loại... đều bị suy giảm.

Bước sang năm 2016, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - LB Nga có dấu hiệu khởi sắc đạt 2,74 tỷ USD, tiếp tục tăng lên đạt 3,55 tỷ USD (2017), 4,55 tỷ USD (2018) và đã đạt 1,52 tỉ USD (chỉ trong 4 tháng đầu năm 2019). Trong đó, trị giá hàng xuất khẩu duy trì mức tăng ổn định cao hơn so với mức tăng trị giá hàng nhập khẩu.

**Bảng 2: Quan hệ thương mại Việt Nam - LB Nga
giai đoạn 2012 - 4 tháng đầu năm 2019**

Đơn vị: Triệu USD

Năm	Kim ngạch XNK	Tăng so với năm trước	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
			Kim ngạch	Tỷ lệ (%)	Kim ngạch	Tỷ lệ (%)
2012	2.447.223	123,5%	1.617.853	66,1	829.370	33,9
2013	2.776.295	113,4%	1.921.169	69,2	855.126	30,8
2014	2.551.617	91,9%	1.724.911	67,6	826.706	32,4
2015	2.186.586	85,7%	1.438.337	65,8	748.249	34,2
2016	2.741.029	125,4%	1.616.420	59,0	1.124.609	41,0
2017	3.553.773	129,7%	2.167.376	61,0	1.386.397	39,0
2018	4.570.034	128,6%	2.445.047	53,5	2.124.987	46,5
2019 (4 tháng đầu năm)	1.522.782		931.044	61,1	591.738	38,8

Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam [14]; [16]

Về cơ cấu mặt hàng: Các mặt hàng chủ lực là thế mạnh vẫn được hai bên tăng cường xuất nhập khẩu như nhóm hàng nông - thủy sản, giày dép, dệt may của Việt Nam và nhóm hàng xăng dầu, phân

bón, sắt thép các loại của Nga. Điểm đặc biệt trong giai đoạn này so với giai đoạn trước chính là việc mở rộng chủng loại hàng xuất khẩu thế mạnh ở cả hai bên. Với hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nga

ngoài nhóm hàng nông - thủy sản, dệt may, giày dép các loại là nhóm hàng điện thoại, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện. Trong 3 năm từ 2015 - 2017, nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện đứng vị trí số 1 trong danh sách hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nga có trị giá xuất khẩu cao nhất: 640 triệu USD (2015), 716 triệu USD (2016), 1.093 triệu USD (2017) [9]. Ở chiều nhập khẩu, theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 8 tháng đầu năm 2016, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Nga tăng tới 239 triệu USD, trong đó ở nhóm hàng sắt thép các loại tăng 134 triệu USD, than đá tăng 131 triệu USD, ô tô nguyên chiếc các loại tăng 53 triệu USD [4]. Có thể thấy, hai bên đã tận dụng ưu đãi thuế quan (kể từ khi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu có hiệu lực) để tăng cường xuất khẩu mặt hàng thế mạnh của mỗi bên¹. Điều này phản ánh cơ cấu mặt hàng giữa hai nước không mang tính cạnh tranh mà bổ trợ cho nhau.

** Về đầu tư*

Điểm sáng trong hoạt động đầu tư giai đoạn này là số lượng dự án tăng lên ở cả hai chiều Nga sang Việt Nam và ngược lại. Theo số liệu của Cục đầu tư nước ngoài, tính đến tháng 8/2016, Nga có 111 dự án đầu tư vào Việt Nam, với tổng số vốn đăng ký đạt khoảng 1,05 tỷ USD, xếp thứ 23/112 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào Việt Nam [3]. Các dự án đầu tư lớn của Nga tại Việt Nam đang được triển khai bởi các doanh nghiệp lớn như Power Machines, Rosatom, Rosneft, Zarubezhneft, Tập

đoàn Inter RAO... Liên tục trong các năm, đầu tư của Việt Nam vào Nga cũng tăng nhanh, từ chỗ chỉ có 100 triệu USD năm 2008 đã lên tới gần 2,93 tỷ USD (tính đến tháng 05/2016) với trên 20 dự án tập trung trong các lĩnh vực dầu khí, thương mại [8]. Các dự án đầu tư lớn của Việt Nam sang Nga gồm Liên doanh dầu khí Rusvietpetro, Gazpromviet, dự án Trung tâm thương mại Hà Nội tại Moscow... đặc biệt gần đây dự án đầu tư xây dựng tổ hợp chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa ứng dụng công nghệ cao và tổ hợp nhà kính sản xuất rau, quả sạch của Tập đoàn TH (Việt Nam) ký với chính quyền tỉnh Kaluga (16/05/2016).

Trong các lĩnh vực đầu tư, năng lượng vẫn chiếm vị trí số 1 trong đầu tư của Nga sang Việt Nam bao gồm các lĩnh vực: năng lượng dầu mỏ - khí đốt, năng lượng điện, năng lượng nguyên tử. Hợp tác năng lượng là lĩnh vực hợp tác truyền thống giữa Nga và Việt Nam đã và đang đạt hiệu quả cao, đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách hai nước. Đây là thế mạnh, một trong những ngành mũi nhọn của kinh tế Nga. Sau khi V. Putin nhậm chức Tổng thống Nga nhiệm kỳ thứ ba vào giữa năm 2012, Nga đã và đang “trở lại” Châu Á với chiến lược “Đại kế hoạch Châu Á”, trong đó năng lượng được Nga xem là “vũ khí chiến lược”. Với thế mạnh về nguồn năng lượng, tập trung nhiều tại Siberia và Viễn Đông, Nga chú trọng thúc đẩy hợp tác song phương với các quốc gia và khu vực quan trọng như Trung Quốc, Ấn Độ và ASEAN... với mục tiêu không chỉ để vực dậy kinh tế Viễn Đông “cửa ngõ” của Nga mà còn giúp Nga hội nhập sâu hơn vào không gian Châu Á - Thái Bình Dương. Trong hợp tác năng lượng với

¹ Ngày 29/5/2015, Hiệp định thương mại tự do FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU) được ký kết và có hiệu lực kể từ ngày 05/10/2016.

ASEAN, hợp tác với Việt Nam có vị trí hết sức quan trọng vì lẽ đây là mối quan hệ hợp tác truyền thống vẫn đang phát huy hiệu quả, đồng thời góp phần nâng cao vị thế của mỗi nước trong thị trường năng lượng toàn cầu. Ngoài ra, xét về phía Việt Nam, khi nền kinh tế đang có tốc độ tăng trưởng cao thì nhu cầu về năng lượng là rất lớn. Đây chính là cơ sở quan trọng để hai bên xác định năng lượng là một trong những trụ cột của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện LB Nga - Việt Nam.

Kết quả nổi bật trong hợp tác dầu khí giữa hai nước giai đoạn này là hai bên (cụ thể là tập đoàn khí đốt khổng lồ của Nga Gazprom và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam PetroVietnam) đã ký kết thỏa thuận về việc cho công ty Gazprom của Nga thăm dò và khai thác giếng khí đốt trên các lô 05.2 và 05.3 tại Biển Đông - ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam, theo đó phía Nga nhận được 49% cổ phần tương đương với 55,6 tỷ m³ khí đốt [18; 174]. Một kết quả khác, hai bên cũng đã tăng cường phối kết hợp để mở rộng các khu vực thăm dò và sản xuất dầu khí tại Việt Nam, Nga và các nước thứ ba, cụ thể: Công ty “Rosneft” của Nga đã hợp tác với “PetroVietnam” khai thác 8 mỏ dầu khí đốt ở phía Đông Siberia, Yakutia, Irkutsk và Krasnoyarsk với khối lượng dự kiến khoảng 1,5 tỷ tấn dầu [18; 174].

Có thể thấy, trong giai đoạn này, bên cạnh kết quả đạt được như số lượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của hai nước sang nhau có tăng lên nhưng tỷ trọng đầu tư của hai nước trong tổng số FDI vẫn còn thấp. Điều này chưa đáp ứng được mong đợi từ hai phía và cũng cho thấy hai bên đã chưa khai thác tốt tiềm năng cũng như phát huy di sản của mối quan hệ truyền thống.

2.3. Một số nhận xét về quá trình vận động của hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga

Thứ nhất, trên cơ sở của sự phát triển quan hệ chính trị từ đối tác chiến lược (2001 - 2012) lên đối tác chiến lược toàn diện (2012 - đến nay), hợp tác kinh tế được đẩy mạnh trên cơ sở phát huy lợi thế của mỗi bên. Giá trị kim ngạch hai chiều sang nhau có sự phát triển, tăng từ 571.287 triệu USD (2001) lên 4,57 tỷ USD (2018). Cơ cấu mặt hàng không chỉ được tăng cường ở nhóm mặt hàng là thế mạnh của hai bên mà còn mở rộng xuất khẩu nhóm mặt hàng mới sang nhau (với Việt Nam là nhóm hàng điện thoại các loại, máy vi tính và linh kiện, phía Nga là nhóm hàng ô tô nguyên chiếc, hàng tiêu dùng).

Thứ hai, hợp tác đầu tư tăng lên cả về số lượng dự án và vốn đầu tư sang nhau. Nếu trong giai đoạn đối tác chiến lược (số dự án đầu tư của Nga vào Việt Nam mới đạt con số hàng chục thì trong giai đoạn đối tác chiến lược toàn diện đã tăng lên trên 100 dự án). Tương tự ở chiều ngược lại, số dự án của Việt Nam sang Nga từ 18 dự án (tính đến 2011) đã tăng lên trên 20 dự án cùng với vốn đầu tư gần 3 tỷ USD (trong khi ở giai đoạn đối tác chiến lược, vốn đầu tư Việt Nam vào Nga chỉ đạt khoảng 100 triệu USD). Điều đặc biệt là lĩnh vực đầu tư của Việt Nam sang Nga trong giai đoạn đối tác chiến lược toàn diện còn mở rộng sang lĩnh vực nông nghiệp và chăn nuôi. Phía Nga, ngoài những lĩnh vực đầu tư truyền thống có hiệu quả như dầu khí, năng lượng... Nga đã mở rộng lĩnh vực đầu tư vào xây dựng, du lịch tại Việt Nam.

** Nguyên nhân của sự vận động, phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga*

Một là, do sự vận động của quan hệ chính trị hai nước từ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện tạo cơ sở pháp lý, bệ đỡ cho sự vận động và phát triển hợp tác kinh tế. Trong Tuyên bố chung 2001, 2012, hai bên đã xác định hợp tác kinh tế là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu và luôn cần chú trọng phát triển. Đặc biệt trong Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Nga (2012), hai bên khẳng định mục tiêu nâng cao kim ngạch hai chiều lên 7 tỷ USD vào năm 2015 và đẩy nhanh việc ký kết Hiệp định mậu dịch tự do giữa Việt Nam và Liên minh thuế quan¹. Đây chính là cơ hội thuận lợi cho hai nước tăng cường hoạt động thương mại. Điều đó cũng giải thích vì sao kim ngạch hai chiều Việt Nam - LB Nga khởi sắc từ năm 2016 trở lại đây (do hai bên tận dụng ưu đãi thuế quan khi Hiệp định thương mại tự do FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu có hiệu lực kể từ tháng 10/2016).

Hai là, sự tăng trưởng thương mại sang nhau giữa hai nước còn xuất phát từ thị hiếu tiêu dùng của hai bên. Trong lịch sử quan hệ hai nước, người dân hai nước vốn đã quen dùng hàng của nhau, hơn nữa mặt hàng của hai bên không có tính cạnh tranh mà bổ sung cho nhau. Do đó, khi Hiệp định thương mại tự do FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu có hiệu lực, hai bên đã tăng cường mặt hàng thế mạnh sang nhau để tận dụng ưu đãi thuế quan.

Ba là, sự tăng lên của số dự án và vốn đầu tư sang nhau nhất là trên lĩnh vực dầu

khí, năng lượng có cơ sở vì đây là lĩnh vực hợp tác truyền thống và có hiệu quả nhất, đóng góp quan trọng vào GDP của hai nước. Sự tin cậy cao trong quan hệ chính trị đã tạo điều kiện cho Việt Nam là nước duy nhất được Nga cho phép vào khai thác dầu mỏ trên lãnh thổ của nước này.

Bốn là, nguyên nhân khách quan tác động từ “lệnh cấm vận” của Mỹ và một số nước phương Tây với Nga (2014) khiến nước này ngày càng “hướng Đông” nhiều hơn. Và Việt Nam là một trong những “cánh cửa” giúp Nga thoát khỏi tình trạng cấm vận, giải quyết được vấn đề cung - cầu hàng hóa của Nga.

Mặc dù có sự vận động phát triển đi lên trong hoạt động xuất nhập khẩu hai chiều song trị giá kim ngạch xuất nhập khẩu vẫn chưa cao, nếu so với các mối quan hệ thương mại Nga - Trung hay Việt - Mỹ thì con số đạt được giữa hai nước còn khá khiêm tốn. Tính đến năm 2016, trong khi kim ngạch Việt Nam - LB Nga mới đạt gần 4 tỷ USD thì thương mại Nga - Trung đã đạt hơn 100 tỷ USD và Việt - Mỹ là hơn 47,15 tỷ USD [17]. Với con số này cho thấy hợp tác kinh tế hai nước tuy có bước phát triển song chưa đạt mục tiêu như hai bên đã đặt ra là 7 tỷ USD vào năm 2015. Và sẽ càng khó khăn để tăng lên giá trị kim ngạch hai chiều Việt Nam - LB Nga đạt 10 tỷ USD vào năm 2020.

Bên cạnh đó, số lượng dự án đầu tư và vốn đầu tư của hai nước sang nhau ở giai đoạn đối tác chiến lược toàn diện cao hơn giai đoạn đối tác chiến lược song tỷ trọng đầu tư của hai nước trong tổng số FDI vẫn còn thấp. Nga tuy là nước phát triển đứng thứ hai trong đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam nhưng so với tổng số vốn FDI của Nga, đầu tư của Việt Nam vào Nga hiện

¹ Từ 29/5/2015 gọi là Liên minh kinh tế Á - Âu với các nước thành viên Armenia, Belarus, Kazakhstan, Nga và Kyrgyzstan).

còn rất khiêm tốn (trên 20 dự án với tổng số vốn khoảng 3 tỷ USD). Tỷ trọng đầu tư của Nga vào Việt Nam cũng khá nhỏ bé (khoảng trên 2 tỷ USD) so với các nhà đầu tư hàng đầu là Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông, Mỹ và Trung Quốc với con số hàng chục, trăm tỷ USD. Điều này cho thấy, hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga chưa xứng tầm với tính chất quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và tiềm năng cũng như lịch sử quan hệ hai nước.

** Nguyên nhân của những tồn tại trong hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga*

Trước hết, xuất phát từ nguyên nhân chủ quan từ cả hai phía. Về phía Việt Nam, một là, năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam còn thấp; hai là, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu vào thị trường Nga chưa phong phú, chỉ tập trung chủ yếu là hàng nông sản, thủy sản, nguyên liệu thô; ba là, các doanh nghiệp Việt Nam chưa thực sự coi trọng thị trường Nga vì sợ rủi ro, chi phí vận tải cao, phương thức giao hàng và thanh toán chưa thuận tiện; bốn là, các chính sách hỗ trợ của nhà nước nhằm giảm chi phí đầu vào, giảm cước phí vận tải hay cung cấp thông tin về thị trường, pháp luật cũng như tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp Việt Nam hiểu về thị trường Nga còn hạn chế.

Về phía Nga, Nga tuy là thị trường “trương đối mở” nhưng để được nhập khẩu vào thị trường Nga, hàng hóa nhập khẩu phải tuân thủ các quy định khá chặt chẽ như cần có “chứng nhận chất lượng hàng hóa dịch vụ” hoặc “giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Nga”... đây chính là rào cản cho hàng hóa Việt Nam trước các đối thủ cạnh tranh “nặng ký” là Thái Lan, Trung Quốc... Thực tế, năm 2008, kim ngạch

thương mại hai nước bị giảm sút so với năm trước đó là do từ ngày 20/12/2008, Nga áp dụng lệnh cấm nhập hàng thủy - hải sản của Việt Nam (với lý do sản phẩm của Việt Nam không đảm bảo chất lượng). Bên cạnh đó, sự hạn chế trong tiềm lực kinh tế và tài chính của Nga so với các đối tác khác của Việt Nam như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Mỹ. Trong khi đó, với nền kinh tế phụ thuộc lớn vào xuất khẩu nhiên, nguyên liệu như Nga thì khi giá dầu thế giới sụt giảm, nền kinh tế Nga sẽ rơi vào suy thoái và đương nhiên sẽ tác động đến các hợp tác kinh tế và đầu tư của Nga ra bên ngoài.

Thứ hai, sự cách xa về địa lý và tác động của các mối quan hệ hợp tác khác cũng tác động không nhỏ đến hợp tác kinh tế hai nước. Trong đó đáng kể là quan hệ hợp tác kinh tế Nga - Trung. Hiện Trung Quốc là đối tác thương mại số 1 của Nga và Nga là đối tác thương mại thứ 10 của Trung Quốc. Sự phát triển “hiện đang đạt mức cao nhất trong lịch sử” [20] của cặp quan hệ này đã dẫn tới các doanh nghiệp Nga chú trọng nhiều hơn trong việc thúc đẩy hợp tác và đầu tư vào thị trường đông dân và tiềm năng Trung Quốc. Đối với Việt Nam, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam cũng là Trung Quốc, ngoài ra các thị trường tiềm năng đang phát huy hiệu quả hấp dẫn doanh nghiệp Việt Nam đầu tư hơn chính là Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ.

3. KẾT LUẬN

Ngày nay, sức mạnh tổng hợp quốc gia được tạo nên bởi sự cộng hưởng của các lĩnh vực bao gồm kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ... Trong đó kinh tế đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Xác định hợp tác kinh tế là ưu tiên hàng đầu

cần chú trọng phát triển trong quan hệ Việt Nam - LB Nga khi bước sang thế kỷ mới cho thấy tầm nhìn và tính đúng đắn của đường hướng chiến lược lãnh đạo hai bên đã vạch ra. Theo đó, với những tuyên bố, hiệp định, thỏa thuận về kinh tế được ký kết đã thúc đẩy hoạt động thương mại và đầu tư hai bên sang nhau tăng lên, góp phần đáng kể trong tổng GDP quốc gia cũng như nâng cao vị thế của mỗi bên trong khu vực và thế giới. Để quá trình hợp tác kinh tế thương mại và đầu tư đạt được kết quả hơn nữa trong thời gian tới, hai bên cần phát huy những lợi thế, tiềm năng của mỗi bên và có những biện pháp thúc đẩy cũng như hạn chế những bất lợi nhằm tạo cơ sở tốt nhất cho sự hợp tác. Những nhân tố khách quan như sự tác động từ mối quan hệ với các nền kinh tế khác (nhất là các cường quốc kinh tế như Mỹ, Trung), hay sự bất ổn của thị trường kinh tế - tài chính, dầu mỏ thế giới... cũng là những vấn đề hai bên không thể xem nhẹ. Với bề dày của mối quan hệ truyền thống gần 70 năm qua, với nhu cầu phát triển vì lợi ích của mỗi bên, hi vọng hợp tác kinh tế Việt Nam - LB Nga sẽ có bước phát triển hơn nữa trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ‘Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược nước CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga’, Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 17/9/2010, <https://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/12203902-.html>.
2. Nguyễn Sinh Cúc (2010), ‘Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga (2001 - 2010)’, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 11, tr. 59 - 65.
3. Cục Đầu tư nước ngoài (2016), ‘Tình hình đầu tư của Liên bang Nga vào Việt Nam’, truy cập ngày 19/9/2016, <http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/5035/Tinh-hinh-dau-tu-cua-Lien-bang-Nga-tai-Viet-Nam>
4. Hải quan Việt Nam (2016), ‘Một vài nét về xuất nhập khẩu Việt Nam - Nga: cập nhật trong 8 tháng tính từ đầu năm 2016’, cập nhật ngày 7/10/2016, <https://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=24404&Category=Th%E1%BB%91ng%20k%C3%AA%20H%E1%BA%A3i%20quan>
5. Vũ Đình Hòa, Nguyễn Hoàng Giáp (2008), *Hợp tác chiến lược Việt - Nga, những quan điểm, thực trạng và triển vọng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Hà Mỹ Hương (2011), ‘Những tiến triển mới trong quan hệ Việt Nam - Nga’, *Tạp chí Cộng sản*, số 819 (1/2011), tr. 93 -97.
7. Võ Đại Lược, Lê Bộ Lĩnh (2005), *Quan hệ Việt - Nga trong bối cảnh quốc tế mới*, NXB Thế giới, Hà Nội.
8. Mạnh Nguyễn (2016), ‘Nhìn lại quan hệ kinh tế Việt - Nga qua các con số’, *Báo Nga.com* cập nhật ngày 16/5/2016, <http://baonga.com/kinh-te-viet-nam.nd312/nhin-lai-quan-he-kinh-te-viet---nga-qua-cac-con-so.i69928.html>
9. Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2015(tr.98); 2016 (tr.98), 2017 (tr.98) (bản tóm tắt file pdf).
10. Rostistav Shimanovskiy (2004), ‘Thực trạng và một số giải pháp nhằm thúc đẩy đầu tư trực tiếp của Liên bang Nga vào Việt Nam’, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số (2), tr.36 - 43.
11. Trịnh Thị Thanh Thủy (2007), ‘*Quá trình phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga trong bối cảnh hội nhập quốc tế*’, *Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử kinh tế quốc dân*, Đại học Kinh tế quốc dân.
12. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2006), *Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam 20 năm đổi mới 1986- 2005*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

13. Tổng cục Thống kê Việt Nam, *Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
14. Tổng cục Thống kê Việt Nam, *Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam năm 2012, 2013, 2014, 2015*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
15. Tổng cục Thống kê (2017), *Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam 2015*, NXB Thống kê, Hà Nội.
16. Tổng cục thống kê (2016), (2017), (2018), (2019), '*Kim ngạch xuất nhập khẩu phân theo nước, khối nước và vùng lãnh thổ chủ yếu sơ bộ các tháng năm 2016, 2017, 2018, 2019*'.
<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=629&idmid=&ItemID=15703>
<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=629&idmid=&ItemID=18316>
<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=629&idmid=&ItemID=18781>
<https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=629&idmid=&ItemID=19108>
17. Tổng cục Thống kê (2017) "*Tổng quan tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam - Hoa Kỳ*", cập nhật ngày 30/5/2016, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.spx?ID=1150&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%2091%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>
18. В.Н. Павлятенко (2013), *Российско-вьетнамские отношения: современность и история. Взгляд двух сторон* - М.: ИДВ РАН.
19. П.С. Андреев (2013), *Россия-Вьетнам: Текущее состояние двухстороннего сотрудничества и перспективные направления экономических отношений*, Москва: Издательский дом «Хорс», 2013 - URL: <http://dom-hors.ru/issue/pep/2013-1/andreev.pdf>.
20. Ian Storey (2015), "What Russia's "Turn to the East" Means for Southeast Asia", *Iseas - Yusof Ishak Institute* 30 Heng Mui Keng Terrace Pasir Panjang, Singapore 3 December 2015, pp. 1 - 10.